

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nhữ Thị Nga;

Bà Trần Thu Hoài;

- Thư ký phiên tòa: Bà Anh Thị Thanh Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hạng Mí S, sinh năm 1992;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Tuyên Quang); có mặt.

- Bị đơn: Chị Vàng Thị D, sinh năm 1991;

Địa chỉ nơi cư trú trước khi mất tích: Thôn S, xã L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Tuyên Quang); vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hạng Mí S trình bày: Anh và chị Vàng Thị D có quan hệ vợ chồng, ngày 07/11/2012 anh và chị D đã đến UBND xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang) để đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, khi đi làm thuê trở về nhà, phát hiện chị D đã tự ý bỏ nhà đi không nói gì với anh. Từ khi chị D bỏ đi vào tháng 12 năm 2017 đến nay anh S đã đi tìm chị D nhiều lần, thông báo với chính quyền địa phương nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của chị D.

Năm 2020 anh S đã làm đơn đến Tòa án để yêu cầu tuyên bố chị D mất tích, Tòa án cũng đã có Quyết định tuyên bố chị Vàng Thị D là người mất tích vào ngày 19/3/2021. Đến thời điểm này chị D vẫn không có tin tức gì, do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị D.

Về con chung: Anh và chị D có với nhau 02 người con chung là cháu Hạng Văn H, sinh ngày 13/3/2012 và Hạng Mí H1, sinh ngày 25/12/2014. Hiện nay cả hai cháu đang được anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. chị D hiện nay không có tin tức nên anh đề nghị sẽ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có. không đề nghị giải quyết

Về công nợ chung: không có, không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ án phí cho anh S.

Bị đơn chị Vàng Thị D, vắng mặt. Ngày 19/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 03/2021/QĐST-DS tuyên bố chị Vàng Thị D mất tích, đến nay chị D không có mặt tại nơi cư trú, cũng không có tin tức gì về chị D.

Tại phiên tòa, anh Hạng Mí S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh S được ly hôn với chị D; về con chung: giao cho anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Hạng Văn H, sinh ngày 13/3/2012 và Hạng Mí H1, sinh ngày 25/12/2014. Anh S có đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Vàng Thị D đã được Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang) tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng

xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Anh Hạng M Sai khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Vàng Thị D, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn S, xã L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hạng Mí S và chị Vàng Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh S và chị D là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì chị D bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay không có tin tức gì. Anh S đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị D mất tích. Tòa án nhân dân huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang đã thực hiện trình tự tố tụng và thông báo tìm kiếm chị D nhưng không có kết quả, không có thông tin gì về chị D. Ngày 19/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Quán Bạ đã ra quyết định tuyên bố chị Vàng Thị D mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, cuộc sống chung giữa anh S và chị D không còn tồn tại, anh S yêu cầu xin ly hôn với chị D là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, cho anh S được ly hôn với chị Vàng Thị D.

[4] Về con chung: Anh S và chị D có 02 con chung là cháu Hạng Văn H, sinh ngày 13/3/2012 và Hạng Mí H1, sinh ngày 25/12/2014. Từ khi chị D bỏ nhà đi, anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến nay. Hiện nay, không có tin tức của chị D. Cần giao cả hai cháu cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục mới đảm bảo được cuộc sống cho hai cháu.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Hạng M Sai được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hạng Mí S.

Xử cho anh H2 Mí Sai được ly hôn với chị Vàng Thị D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung của anh S và chị D là cháu Hạng Văn H, sinh ngày 13/3/2012 và Hạng Mí H1, sinh ngày 25/12/2014 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Hạng Mí S.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh H2 Mí Sai biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vàng Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Lùng Tám;
- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Đình Vĩ

